

Bản án số: **26/2019/DS - ST.**

Ngày: 13/5/2019.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2019/TLST - DS, ngày 08 tháng 04 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST- DS, ngày 26 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trúc L

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 08/05/2019)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Bà Trịnh Hoàng O; Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 26/04/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L do ông Huỳnh Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà L có cho bà Trịnh Hoàng O vay tiền, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: ngày 04/9/2017AL, bà L cho bà O vay 6.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay thì bà O hứa khi nào vay tiền ngân hàng được thì trả và hai bên có làm giấy nợ;

- Lần thứ hai: ngày 18/9/2017AL, bà L cho bà O vay 4.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay thì bà O hứa khi nào vay tiền ngân hàng được thì trả và hai bên có làm giấy nợ;

- Lần thứ ba: ngày 20/9/2017AL, bà L cho bà O vay 9.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay thì bà O hứa khi nào vay tiền ngân hàng được thì trả và hai bên có làm giấy nợ;

- Lần thứ tư: ngày 24/9/2017AL, bà L cho bà O vay 3.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay thì bà O hứa khi nào vay tiền ngân hàng được thì trả và hai bên có làm giấy nợ;

- Lần thứ năm: ngày 23/10/2017AL, bà L cho bà O vay 2.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay thì bà O hứa khi nào vay tiền ngân hàng được thì trả và hai bên có làm giấy nợ;

Tổng số tiền 05 lần vay là 24.000.000 đồng vốn và đóng lãi nhiều lần đến ngày 23/10/2017AL được 2.000.000 đồng, số còn lại không có hoàn trả vốn và lãi cho bà L.

Nay ông T đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu bà O trả 24.000.000 đồng vốn, lãi theo nhà nước quy định và trả đủ trong thời gian ngắn.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 26/4/2019 và tại phiên tòa, bị đơn bà Trịnh Hoàng O trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà L tổng cộng 05 lần với số tiền vốn là 24.000.000 đồng, lãi suất mỗi lần vay 5%/tháng, khi vay thì bà hứa khi nào vay tiền ngân hàng được thì trả và hai bên có làm giấy nợ và bà đóng lãi nhiều lần đến ngày 23/10/2017AL (ngày 10/12/2017) được 2.000.000 đồng, số còn lại không có hoàn trả vốn và lãi cho bà L.

Nay bà đồng ý hoàn trả cho bà L 24.000.000 đồng vốn, lãi suất theo nhà nước quy định và trả hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 BLDS; xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, người bị kiện là ông Huỳnh Công Đ và bà Trịnh Hoàng O, nhưng các lần vay thì bà O là người trực tiếp hỏi, nhận tiền và làm biên nhận nợ cho bà L; ông Đ không có đến hỏi tiền, nhận tiền và làm biên nhận với bà L, nên nay bà L chỉ yêu cầu bà O trả nợ cho bà chứ không yêu cầu ông Đ trả nợ cho bà L là đúng với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Giữa bà Lê Thị Trúc L và bà Trịnh Hoàng O có thỏa thuận vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, do bà L và bà O cùng cư trú trên địa bàn huyện K, nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bà Lê Thị Trúc L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện này là giấy vay tiền. Hội đồng xét xử xét thấy việc cho vay này đã được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận 24.000.000 đồng của bà O. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho bà O, bà O không có ý kiến việc vay tiền của L. Tại biên bản lấy khai, biên bản hòa giải cùng ngày 26/4/2019 và tại tòa bà O thừa nhận hiện nay còn nợ bà L vốn là 24.000.000 đồng và xin trả số tiền trên hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, nên các văn bản này có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Như vậy có căn cứ để xác định bà O còn nợ bà L là 24.000.000 đồng vốn, yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Huỳnh Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước và phía bà O cũng đồng ý. **Xét thấy**, Việc hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là quá cao so với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 BLDS điều chỉnh mức lãi suất là 1,666%/tháng cho phù hợp theo quy định trên. Như vậy:

4.1. Phần lãi suất được tính đến ngày 10/12/2017, cụ thể như sau:

- Vay lần thứ nhất, ngày 04/9/2017 âm (nhằm ngày 23/10/2017) đến ngày 10/12/2017 là 01 tháng 17 ngày x 6.000.000 đ x 1,666%/tháng = 156.604 đồng;
- Vay lần thứ hai, ngày 18/9/2017 âm (nhằm ngày 06/11/2017) đến ngày 10/12/2017 là 01 tháng 04 ngày x 4.000.000 đ x 1,666%/tháng = 75.525 đồng;
- Vay lần thứ ba, ngày 20/9/2017 âm (nhằm ngày 08/11/2017) đến ngày 10/12/2017 là 01 tháng 02 ngày x 9.000.000 đ x 1,666%/tháng = 159.936 đồng;
- Vay lần thứ tư, ngày 24/9/2017 âm (nhằm ngày 12/11/2017) đến ngày 10/12/2017 là 28 ngày x 3.000.000 đ x 1,666%/tháng = 46.648 đồng;
- Vay lần thứ năm, ngày 23/10/2017 âm (nhằm ngày 10/12/2017), bà cho bà O vay 2.000.000 đồng.

Cộng vốn và lãi đến ngày 10/12/2017 là 24.438.713 đ. Khấu trừ phần lãi đã trả trước là 2.000.000 đ, Vốn còn lại là 22.438.713 đồng.

4.2. Phần vốn 22.438.713 đồng được tính lãi từ ngày 10/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2019 là:

17 tháng 03 ngày x 22.438.713 đ x 1,666%/tháng = 6.392.382 đồng lãi.

Như vậy, bà O có nghĩa vụ hoàn trả vốn lãi cho bà L (22.438.713 đồng + 6.392.382 đồng) là 28.831.095 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của bà O cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà O trả cho bà L hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của bà O không được ông T đại diện theo ủy quyền của bà L đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc bà O có trách nhiệm trả cho bà L vốn lãi là 28.831.095 đồng.

[7] Do yêu cầu của bà L được chấp nhận toàn bộ, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà O phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 1.441.554 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc L. Xử buộc bà Trịnh Hoàng O có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Trúc L vốn và lãi là 28.831.095 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi một ngàn chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị Trúc L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trịnh Hoàng O phải **chịu** 1.441.554 đồng;

2.2. Bà Lê Thị Trúc L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Lê Thị Trúc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006598, ngày 03/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng